

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNST

Ngày: 27-08-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cúc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX-STHNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn số :12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Trúc B, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số E đường T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Danh C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D đường T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

1.Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn- bà Võ Thị trúc B trình bày :

Bà Võ Thị Trúc B và ông Danh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố V vào ngày 20-8-2013, hôn nhân đúng pháp luật. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C ghen tuông vô cớ, vợ chồng cãi lộn, ông C đã có hành vi đánh bà B. Sau đó, bà B và ông C thường xuyên bất đồng quan điểm, bà B xác định không còn tình cảm với ông C và hai người đã ly thân khoảng 02 năm nay, không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau nữa, khả năng đoàn tụ là không thể, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông Danh C và bà B có 03 con chung tên Danh V, sinh năm 2005 (đã trưởng thành); Danh Quang, sinh ngày 25-12-2009 và Danh Ngọc Thủy T, sinh ngày 04-7-2016. Bà B có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, nhường quyền nuôi dưỡng cháu T cho ông Danh C, cả hai không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, bị đơn – Ông Danh C trình bày:

Ông C thống nhất với lời trình bày của bà B về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như tình trạng hôn nhân. Ông vẫn còn nhiều tình cảm với bà B và không muốn gia đình tan vỡ, ông không đồng ý ly hôn và mong bà B cho ông thêm cơ hội.

Về con chung: Ông xác nhận, ông và bà B có 03 người con chung tên là Danh V, sinh năm 2005 (đã trưởng thành); Danh Quang, sinh ngày 25-12-2009 và Danh Ngọc Thủy T, sinh ngày 04-7-2016. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho bà B, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Trúc B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Võ Thị Trúc B khởi kiện “Ly hôn” với ông Danh C, ông C có nơi cư trú tại phường V nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình, theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 35 Luật số 85/2025/QH1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự...thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông C vẫn vắng mặt lần 2. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Trúc B và ông Danh C là hợp pháp đúng quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống, bà B và ông C đều xác nhận có mâu thuẫn. Theo bà B do ông C ghen tuông vô cớ dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn, không còn tình cảm yêu thương nhau, khả năng đoàn tụ là không thể nên bà B yêu cầu ly hôn với ông C. Còn ông C cho rằng ông vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có bền vững và trường tồn thì cả vợ và chồng đều phải tin tưởng lẫn nhau, cùng nhau vun đắp, xây dựng, vợ chồng phải đồng thuận. Nhưng hôn nhân giữa bà B và ông C đã từ lâu không tìm được tiếng nói chung, không còn tin tưởng lẫn nhau, không có sự tha thứ và bao dung, tình cảm thật sự đã dần nứt, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trong thời gian dài, cả hai không tìm được biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải cho thời gian để hai bên hàn gắn tình cảm nhưng cũng không có kết quả; Theo kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống hôn nhân vợ chồng giữa bà B và ông C có mâu thuẫn xảy ra. Bà B xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông C là có cơ sở nên chấp nhận. Tuy phía ông C cho rằng còn tình cảm với bà B, ông không đồng ý ly hôn, nhưng ông cũng không tìm được biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Trúc B đối với ông Danh C.

[3]. Về con chung : Bà Võ Thị Trúc B và ông Danh C có 03 người con chung tên là Danh V, sinh năm 2005 (đã trưởng thành); Danh Quang, sinh ngày 25-12-2009 và Danh Ngọc Thủy T, sinh ngày 04-7-2016.

Theo quy định của pháp luật, con trên 07 tuổi phải xem xét nguyện vọng của các con. Cháu Q có nguyện vọng được ở với bà B, còn cháu T có nguyện vọng được ở với ông C. Tại biên bản hòa giải ngày 28-7-2025, bà B có nguyện vọng được nuôi cháu Q; ông C có nguyện vọng được nuôi cháu T. Như vậy giữa các bên đã có sự thống nhất về việc nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo việc phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần, đạo đức cho các cháu nên giao cháu Danh Q, sinh ngày 25-12-2009 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Danh Ngọc Thủy T, sinh ngày 04-7-2016 cho ông C nuôi dưỡng là hợp tình hợp lý và đúng nguyện vọng của các cháu. Ông C và bà B có trách nhiệm chăm lo việc học tập, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức.

[4]. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà B và ông C không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau này ông C và bà B còn được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà B phải nộp theo quy định pháp luật.

[7]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ.

Từ những nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Trúc B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 39, Điều 35 Luật số 85/2025/QH1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự...và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban T1.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Trúc B. 1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Trúc B được ly hôn với ông Danh C.

2.Về con chung: Bà Võ Thị Trúc B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh Q, sinh ngày 25-12-2009; Ông Danh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh Ngọc Thủy T, sinh ngày 04-7-2016; cho đến khi cháu Q và cháu T đủ 18 tuổi.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5.Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Trúc B nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003165 ngày 06-6-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà B đã nộp xong án phí hôn nhân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7.Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11, TP H;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11, TP H ;
- UBND phường V, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị C1

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BR-VT;
- VKSND TPVT;
- THA DS TPVT;
- UBNDF11;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà.

Hoàng Thị Cúc

